TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẦU GIẤY** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Tạ Trần Thảo

2/ Bà Bùi Thị Minh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên toà: Bà Lê Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 478/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985

Đăng ký nhân khẩu thường trú tại: xóm 9, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Hiện trú tại: số 6 ngõ xxx đường X , tổ 1 phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1979

Đăng ký nhân khẩu thường trú tại: xóm 9, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Trú tại: số nhà 6 ngõ xxx phố X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

3. Những người có quyền lợi liên quan:

* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện X, tỉnh Nam Định

Địa chỉ tại: Tổ 18, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Văn L – giám đốc Chi nhánh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lưu Công D. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Quỹ tín dụng nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định

Địa chỉ tại: xóm 9 xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lưu Ngọc Đ – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974

Địa chỉ tại: xóm 7, xã X, huyện Y, tỉnh Thái Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị L trình bầy:*** Chị và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định vào ngày 17/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Xóm 9 xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Đến năm 2010 vợ chồng chuyển lên Hà Nội sinh sống tại số 391 đường X, phường Y, quận Z , Hà Nội.

Đến khoảng năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Anh T có biểu hiện ngoại tình và không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống chung của vợ chồng. Chị đã cố gắng khuyên giải nhưng anh T không thay đổi mà còn đánh đập xúc phạm chị. Đã có lần chị phải nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp để bảo đảm an toàn. Đến tháng 4/2017 chị đưa các con đi thuê trọ nơi khác, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Khi vợ chồng sống ly thân, anh T vẫn nhiều lần đến quấy rối cuộc sống của mẹ con chị. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, nếu tiếp tục sống chung sẽ không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có hai con gái chung là cháu Trần Ngọc N Quỳnh, sinh ngày 30/11/2003 và cháu Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/4/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân, hai cháu ở cùng với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị đề nghị vợ chồng được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 khoản nợ sau:

1/ Năm 2016 vay 350.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện X. Tài sản thế chấp cho khoản vay là nhà đất của vợ chồng tại xóm 9 xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- Tháng 4/2017, vay 300.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân xã X huyện Y tỉnh Nam Định. Tài sản thế chấp là nhà đất tại Xóm 9, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định đứng tên bố mẹ chồng là ông Trần Văn B và bà Vũ Thị B.

- Vay của bà Nguyễn Thị T là dì ruột chị số tiền 100.000.000 đồng.

Mục đích của các khoản vay trên là để anh T làm ăn, nên chị không biết anh T sử dụng tiền vay như thế nào. Khi ly hôn, chị đề nghị anh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ trên. Đối với khoản vay thế chấp tài sản chung của vợ chồng là nhà đất tại Xóm 9, xã X, huyện Y tỉnh Nam Định, trường hợp anh T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì chị đồng ý dùng tài sản thế chấp để thanh toán dứt điểm khoản nợ cho ngân hàng. Ngoài các khoản vay nợ trên vợ chồng không có khoản nợ chung nào khác.

Về chỗ ở sau ly hôn: Chị L tự lo chỗ ở sau khi ly hôn và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh xác nhận cùng chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định vào ngày 17/01/2003. Anh xác nhận việc vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do kinh tế của vợ chồng bất ổn khiến cả hai vợ chồng mệt mỏi. Anh xác nhận trước đây có quan hệ ngoại tình, nhưng cho rằng nay anh đã thay đổi nên chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Ngọc Như Q, sinh ngày 30/11/2003 và cháu Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/4/2013. Trường hợp phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh nhất trí vợ chồng sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng tôi có 03 khoản nợ như chị L trình bầy. Hiện các khoản nợ tại Ngân hàng và Quỹ tín dụng nhân dân chưa đến hạn và anh vẫn đang trả nợ theo quy định. Nếu phải ly hôn, anh tự nguyện chịu toàn bộ trách nhiệm trả tất cả các khoản nợ mà không yêu cầu chị L có trách nhiệm đối với các khoản nợ nào. Trường hợp anh không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh X, anh đồng ý để ngân hàng dùng tài sản thế chấp là nhà đất tại Xóm 9 xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định là tài sản chung của vợ chồng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra anh có các nợ khác, nhưng không đề nghị giải quyết vì không thể cung cấp đầy đủ địa chỉ của những người cho anh vay nợ và các tài liệu để chứng minh cho khoản nợ này.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện X trình bày: Ngày 05/10/2016, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện X và vợ chồng anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị L ký hợp đồng tín dụng số 3205-LVA-201604xxx với số tiền vay là 300.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 12%/năm, mục đích vốn vay phục vụ nhu cầu đời sống, thanh toán tiền mua nguyên vật liệu sửa nhà ở và mua đồ dùng gia đình. Để thực hiện hợp đồng tín dụng anh T và chị L đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của anh T, chị L số AO 855170 gồm: nhà xây mái ngói, 04 gian + công trình phụ,

diện tích 58m^2 nằm trên diện tích 135m^2 thuộc thửa đất số 392, tờ bản đồ số 07 địa chỉ thửa đất tại xóm 9 xã X huyện Y, tỉnh Nam Định. Từ khi giải ngân đến nay, anh T, chị L đã trả ngân hàng được 60.000.000 đồng tiền gốc và đã trả tiền lãi đến hết tháng 3/2018. Nay anh T chị L xin ly hôn nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về về tài sản, tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi của ngân hàng nên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện X đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy buộc anh T chị L có trách nhiệm thanh toán tiền vay gốc còn lại và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng của ngân hàng. Do điều kiện công tác ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện X xin được vắng mặt tại phiên làm việc và xét xử tại phiên tòa và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

- Quỹ tín dụng nhân dân xã X trình bày: Ngày 18/5/2017, anh Trần Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 164 vay vốn của Quỹ tín dụng X số tiền 300.000.000 đồng để mua máy xúc, thời gian vay 24 tháng, lãi suất 0,95% tháng, trả lãi hàng tháng, kế hoạch trả gốc 09/5/2018 trả 100.000.000 đồng, 08/5/2019 trả 200.000.000 đồng. Khi vay chị Nguyễn Thị L có tham gia ký kết với vai trò thừa kế do là vợ anh Trần Văn T. Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 283/HĐTC ngày 07/5/2015 (hợp đồng này đã sử dụng để anh T vay vốn vào năm 2015 sau đó đã thanh toán nhưng các bên vẫn nhất trí sử dụng trong hợp đồng tín dụng mới). Tài sản thế chấp là nhà đất của bố mẹ đẻ anh T là ông Trần Văn B và bà Vũ Thị B tại Xóm 9 xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định. Anh T là người nhận tiền. Đến nay hàng tháng anh T vẫn thanh toán đầy đủ lãi. Nay anh T và chị L xin ly hôn, Quỹ tín dụng nhân dân X không có ý kiến gì về việc giải quyết hợp đồng tín dụng tại Tòa án hay đề nghị anh T chị L có trách nhiệm trả nợ. Quỹ tín dụng nhân dân xã X không đề nghị tham gia tố tụng và đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà xác nhận có cho vợ chồng cháu gái là chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay do tin tưởng nên hai bên không lập giấy tờ. Nay anh T và chị L ly hôn, bà không đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ trên và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy:

Phần thủ tục: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua phần trình bày của đương sự tại phiên toà hôm nay, Viện kiểm sát nhận thấy về thủ tục tố tụng, Toà án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đảm bảo nguyên tắc xét xử, sự có mặt của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc vắng mặt của anh Tình tại phiên tòa, đây là lần vắng mặt thứ 2 của bị đơn tại phiên toà mặc dù đã được tống đạt hợp lệ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phần nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị cho chị L được ly hôn anh Trần Văn T; Giao 2 con chung cho chị L trực tiếp

nuôi dưỡng; Không xem xét về tài sản chung. Về nợ, xét chỉ có Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam có yêu cầu thanh toán nhưng đã không làm đơn yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật. Theo quy định, các khoản nợ đều chưa đến hạn và những người liên quan không có yêu cầu nên không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ngày 21/11/2016 chị Nguyễn Thị L nộp đơn xin ly hôn với anh Trần Văn T đến Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Do tại thời điểm khởi kiện anh Trần Văn T đang sinh sống tại số 56 X, tổ xx phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với việc vắng mặt của anh T tại phiên tòa, xét đây là lần vắng mặt thứ 2 của bị đơn tại phiên toà mặc dù đã được tống đạt hợp lệ, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2003 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ kinh tế dẫn đến bất đồng, ngoài ra nguyên nhân mâu thuẫn còn do anh T có quan hệ ngoại tình khiến vợ chồng mất tình cảm. Vợ chồng đã ly thân và ở riêng nhiều năm nay. Tại Tòa, anh T nêu mong muốn hàn gắn, nhưng trong thực tế đã không có biện pháp hòa giải mà vẫn có hạnh vi, cư xử xúc phạm đối với chị L. Xét thấy vợ chồng phát sinh mâu thẫn bắt nguồn từ việc thiếu sự tin tưởng, vợ chồng không còn yêu thương, không chia sẻ quan tâm lẫn nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập, mâu thuẫn kéo dài và đã trở nên trầm trọng. Xét mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Như Q, sinh ngày 30/11/2003 và cháu Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/4/2013. Chị L đề nghị được nuôi hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trần Ngọc Như Q có nguyện vọng được ở với mẹ và em. Xét thấy hai cháu đều là con gái, việc ở với mẹ sẽ thuận tiện hơn cho việc chăm sóc, giáo dục giới tính nên giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu. Do chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn T.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[5] Về vay nợ chung: Anh T tự nhận nghĩa vụ trả nợ đối với tất cả các khoản nợ. Đối với khoản nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân, có tài sản thế chấp là nhà đất của bố mẹ anh T và khoản nợ của bà Nguyễn Thị T, xét những người có quyền lợi liên quan không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đối với khoản nợ của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt nam: Do người liên quan có yêu cầu, nhưng không làm đơn theo quy định và khoản nợ này chưa đến hạn trả nợ nên không xem xét trong vụ án này mà dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt nam trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về chỗ ở sau khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị L tự lo chỗ ở sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Từ những nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Ngọc Như Q, sinh ngày 30/11/2003 và cháu Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 28/4/2013 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cho cho anh Trần Văn T.

Không ai được ngăn cản việc chăm sóc, gặp gỡ con chung.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về vay nợ: Không giải quyết.

5. Về chỗ ở sau khi ly hôn: Chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu số 0005157 ngày 02/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Án xử sơ thẩm công khai, chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND quận Cầu Giấy + HN ;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy ;
- Tòa án NDTP Hà Nội ;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Vân